ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ QUA LĂNG KÍNH THUYẾT QUYỀN TỰ QUYẾT

Nguyễn Thị Cẩm Vân, Quách Kim Ngọc, Nguyễn Thị Minh Thư, Trịnh Thị Hương
Đại học Cần Thơ

Tóm tắt: *Bài viết đề xuất một số giải pháp tăng cường động lực học tiếng Anh cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học trong bối cảnh đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Dựa trên Thuyết Quyền tự quyết (SDT), các giải pháp hướng đến đáp ứng ba nhu cầu tâm lý cơ bản của người học gồm tự chủ, năng lực và gắn kết. Bốn nhóm giải pháp được đề xuất gồm: (1) phát triển năng lực tự chủ và tự điều chỉnh việc học tiếng Anh, (2) tăng cường thực hành, trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số, (3) xây dựng môi trường học tập tích cực, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau và (4) tích hợp tiếng Anh vào các học phần chuyên ngành. Các giải pháp được cụ thể hóa theo lộ trình bốn năm đào tạo, nhằm thúc đẩy động lực học tập tự chủ, bền vững và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh gắn với yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên tiểu học tương lai.*

Từ khóa: *động lực học tiếng Anh, Thuyết Quyền tự quyết, SV Giáo dục Tiểu học, giải pháp, tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai.*

PROPOSED STRATEGIES TO ENHANCE ENGLISH LEARNING MOTIVATION AMONG PRE-SERVICE PRIMARY SCHOOL TEACHERS AT CAN THO UNIVERSITY IN THE CONTEXT OF INTRODUCING ENGLISH AS A SECOND LANGUAGE IN SCHOOLS

Abstract: *This article outlines strategies to enhance English learning motivation among pre-service primary school teachers as English is introduced as a second language in schools. Drawing on Self-Determination Theory (SDT), the strategies aim to address learners' fundamental psychological needs: autonomy, competence, and relatedness. The four principal strategies include: (1) promoting learner autonomy and self-regulated English learning; (2) increasing opportunities for English language practice, experiential learning, and the use of digital technologies; (3) cultivating a positive, collaborative, and supportive learning environment; and (4) embedding English instruction within subject-specific courses in primary teacher education programs. These strategies are organised into a four-year implementation roadmap to foster autonomous and sustainable learning motivation while developing English language proficiency that meets the professional requirements of future primary school teachers.*

Keywords: *English learning motivation, self-determination theory, pre-service primary teachers, educational strategies, English as a second language.*

Nhận bài: 01/10/2026 Phản biện: 01/11/2026 Duyệt đăng: 05/11/2026

I. MỞ ĐẦU

Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045" đặt ra yêu cầu phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong dạy học và các hoạt động giáo dục. Đối với sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học, yêu cầu này không chỉ dừng ở việc đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ mà còn hướng đến khả năng tự học và sử dụng tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp. Tuy nhiên, SV không chuyên ngữ có thể gặp áp lực nếu thiếu điều kiện học tập hỗ trợ. Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp tăng cường động lực học tiếng Anh cho SV là cần thiết.

Theo Thuyết Quyền tự quyết (self-determination theory – SDT), động lực học tập không chỉ được xem xét về mức độ mà còn ở chất lượng điều chỉnh động lực, từ học vì áp lực điểm số đến nhận thức giá trị nghề nghiệp và hứng thú tự thân (Noels et al., 2000; Ryan & Deci, 2020). Báo cáo khảo sát 233 SV ngành Giáo dục Tiểu học tại Đại học Cần Thơ cho thấy nhận thức về giá trị tiếng Anh tương đối tích cực nhưng thời lượng thực hành ngoài lớp học còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp và lộ trình thực hiện dựa trên SDT nhằm chuyển hóa nhận thức về giá trị tiếng Anh thành hoạt động học tập thường xuyên, tự chủ và gắn với yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên tiểu học tương lai.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Động lực học tập và thuyết quyền tự quyết

Động lực là quá trình tâm lý định hướng, thúc đẩy và duy trì nỗ lực của cá nhân nhằm đạt được mục tiêu (Mitchell, 1982; Robbins, 1998, dẫn theo Lý và Nga, 2016). Theo Pintrich (2003), động lực học tập cung cấp năng lượng và định hướng hành vi học tập. Tại Việt Nam, động lực học tập được xem là sự "khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm

thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập" (Nga và Kiệt, 2016, tr. 107), đồng thời là yếu tố tâm lý định hướng, thúc đẩy và duy trì hoạt động học tập nhằm đáp ứng nhu cầu của người học (Dương, 2013). Trong nghiên cứu này, động lực học tiếng Anh được xem xét thông qua những lý do và mức độ tự chủ khác nhau của sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học.

Thuyết Quyền tự quyết (self-determination theory – SDT) do Deci và Ryan phát triển, nhấn mạnh vai trò của môi trường xã hội đối với sự hình thành và phát triển động lực. Theo Ryan và Deci (2002), SDT xác định ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm: tự chủ (cảm nhận được quyền lựa chọn và làm chủ hành vi), năng lực (cảm thấy tự tin và có khả năng thực hiện hoạt động) và gắn kết (cảm thấy được quan tâm, hỗ trợ và thuộc về cộng đồng). Việc đáp ứng các nhu cầu này góp phần nâng cao chất lượng động lực và thúc đẩy sự phát triển của người học.

Theo Ryan và Deci (2000), SDT phân biệt động lực nội tại và động lực ngoại tại. Động lực nội tại xuất phát từ niềm vui, hứng thú và sự tò mò; động lực ngoại tại hướng đến những kết quả tách rời hoạt động học tập. Thông qua quá trình nội hóa và tích hợp, người học có thể chuyển các yêu cầu bên ngoài thành mục tiêu tự nguyện chấp nhận, hình thành hành vi học tập có tính tự chủ. Quá trình này được thúc đẩy khi môi trường học tập đáp ứng nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết.

2.2. Mối quan hệ giữa nhu cầu tâm lý cơ bản và động lực học Tiếng Anh qua lăng kính thuyết quyền tự quyết

Theo Thuyết Quyền tự quyết, động lực học tập không chỉ phụ thuộc vào nhu cầu của cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng bởi cách người học nhận thức và nội hóa giá trị của hoạt động học tập (Ryan & Deci, 2020). Đối với SV ngành Giáo dục Tiểu học, việc học tiếng Anh có thể xuất phát từ yêu cầu chuẩn đầu ra, hoàn thành chương trình đào tạo, mở rộng cơ hội nghề nghiệp, tiếp cận tri thức quốc tế hoặc phát triển năng lực chuyên môn.

Cùng một nhu cầu học tiếng Anh có thể hình thành những dạng động lực khác nhau tùy thuộc vào mức độ tự chủ. Khi học chủ yếu để đáp ứng điều kiện tốt nghiệp hoặc tránh áp lực điểm số, SV chịu sự chi phối của điều chỉnh bên ngoài. Ngược lại, khi nhận thức được giá trị của tiếng Anh đối với việc tiếp cận tài liệu giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học và phát triển nghề nghiệp, SV có thể nội hóa yêu cầu học tập thành điều chỉnh đồng nhất, một dạng động lực ngoại tại có tính tự chủ. Khi học vì yêu thích, hứng thú khám phá ngôn ngữ và niềm vui trong quá trình học, động lực nội tại được hình thành.

Theo SDT, quá trình nội hóa được hỗ trợ khi môi trường học tập đáp ứng ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ, năng lực và gắn kết. Vì vậy, tăng cường động lực học tiếng Anh cho SV ngành Giáo dục Tiểu học không chỉ là nâng cao nhận thức về sự cần thiết của ngoại ngữ mà còn tạo điều kiện để SV chủ động lựa chọn, cảm nhận sự tiến bộ và nhận được hỗ trợ tích cực. Trong bối cảnh đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, cách tiếp cận này góp phần chuyển hóa yêu cầu ngoại ngữ bên ngoài thành mục tiêu học tập được SV tự nguyện thừa nhận, hướng đến phát triển động lực học tiếng Anh tự chủ và bền vững.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

3.1 Khái quát chung về nội dung dạy tiếng Anh trong chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học của Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Đại học Cần Thơ, ban hành kèm theo Quyết định số 3268/QĐ-ĐHCT ngày 23/6/2026, có tổng khối lượng 141 tín chỉ, hướng đến đào tạo giáo viên tiểu học có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng tự học và thích ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế. Chuẩn đầu ra PLO11 quy định sinh viên (SV) phải sử dụng được một ngoại ngữ tương đương Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, đồng thời có kỹ năng công nghệ thông tin và năng lực số phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu ở trường tiểu học (Đại học Cần Thơ, 2026).

Chương trình bố trí các học phần Anh văn căn bản 1, 2, 3 (XH023, XH024, XH025) và Anh văn tăng cường 1, 2, 3 (XH031, XH032, XH033), với tổng khối lượng 10 tín chỉ, có quan hệ tiên quyết và thuộc nhóm học phần điều kiện. SV có thể hoàn thành thông qua học tích lũy hoặc nộp chứng chỉ theo quy định. Ngoài ra, học phần Anh văn chuyên ngành – Giáo dục Tiểu học (SP118E), 2 tín chỉ, được bố trí trong khối kiến thức chuyên ngành, góp phần gắn việc học ngoại ngữ với lĩnh vực đào tạo giáo viên.

Trong bối cảnh định hướng đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, việc đáp ứng chuẩn đầu ra cần gắn với khả năng tự học, khai thác tài liệu chuyên môn và sử dụng tiếng

Anh trong hoạt động nghề nghiệp. Dưới góc nhìn Thuyết Quyền tự quyết (SDT), điều này đặt ra yêu cầu tăng cường động lực học tiếng Anh, hỗ trợ nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết, giúp SV nhận thức và chủ động theo đuổi giá trị của tiếng Anh đối với sự phát triển nghề nghiệp.

3.2. Đề xuất giải pháp tăng cường tiếng Anh cho sinh viên và lộ trình thực hiện

3.2.1. Phát triển năng lực tự chủ và tự điều chỉnh việc học tiếng Anh

Mục tiêu là chuyển nhận thức giá trị tiếng Anh thành mục tiêu và hành vi tự học cụ thể, đồng thời phát triển khả năng lựa chọn, theo dõi và điều chỉnh chiến lược học. Để đạt được mục tiêu này, giảng viên hoặc cố vấn học tập hướng dẫn SV lập mục tiêu ngắn hạn, nhật ký tự học, hồ sơ tiến bộ và hoạt động tự phản tư theo từng học kỳ. Lộ trình thực hiện giải pháp này cho SV từ năm nhất đến năm thứ tư như sau:

Bảng 1. Lộ trình thực hiện phát triển năng lực tự chủ và tự điều chỉnh trong học tiếng Anh của SV ngành Giáo dục Tiểu học

Năm	Hoạt động và cách thức thực hiện
Năm thứ 1: Hình thành thói quen tự học	- Xác định mục tiêu học tiếng Anh phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân. - Xây dựng kế hoạch tự học theo tuần, tháng, với thời lượng tham khảo 30–45 phút/ngày. - Lựa chọn chủ đề yêu thích để học qua Duolingo, Quizlet, Anki, BBC Learning English hoặc YouTube. - Sử dụng Google Sheets hoặc nhật ký học tập để theo dõi tiến độ và ghi nhận sự tiến bộ.
Năm thứ 2: Phát triển năng lực tự đánh giá	- Tự xác định điểm mạnh, điểm hạn chế ở các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. - Lựa chọn một hoặc hai kỹ năng cần ưu tiên cải thiện. - Xây dựng kế hoạch luyện tập ngắn hạn theo tuần hoặc tháng. - Sử dụng các công cụ học tập phù hợp và tự kiểm tra định kỳ để điều chỉnh phương pháp học.
Năm thứ 3: Tăng cường tự chủ trong học tập	- Chủ động thiết kế lộ trình tự học gắn với các học phần chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm. - Lựa chọn công cụ số và AI để luyện nghe, nói, đọc, viết và mở rộng vốn từ chuyên ngành. - Sử dụng AI để thực hành các tình huống giao tiếp liên quan đến hoạt động giáo dục tiểu học. - Tự đánh giá hiệu quả của các công cụ và điều chỉnh chiến lược học tập.
Năm thứ 4: Duy trì tự học gắn với nghề nghiệp	- Xây dựng kế hoạch học tiếng Anh gắn với thực tập sư phạm và định hướng nghề nghiệp. - Chủ động tìm kiếm, đọc và khai thác tài liệu giáo dục quốc tế. - Sử dụng tiếng Anh để chuẩn bị học liệu, thiết kế hoạt động giáo dục và phát triển chuyên môn. - Tự đánh giá kết quả, xây dựng kế hoạch tiếp tục học tiếng Anh sau tốt nghiệp.

3.2.2. Tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh và sự tự tin thông qua thực hành, trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số

Mục tiêu của giải pháp là nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và củng cố sự tự tin của SV thông qua các hoạt động thực hành thường xuyên, phù hợp với trình độ và nhu cầu học tập, đồng thời khắc phục những khó khăn về vốn từ vựng, kỹ năng giao tiếp, tâm lý sợ mắc lỗi và thiếu cơ hội sử dụng tiếng Anh trong thực tế.

Để thực hiện, nhà trường cần tạo điều kiện cho SV luyện tập qua các nhiệm vụ ngắn như phát âm, nghe hiểu, giới thiệu bản thân, trình bày ý tưởng và trao đổi về những chủ đề quen thuộc. Đồng thời, khuyến khích SV khai thác công cụ số và trí tuệ nhân tạo để mở rộng cơ hội thực hành ngoài lớp học, từng bước gắn việc sử dụng tiếng Anh với các nhiệm vụ chuyên môn. Lộ trình thực hiện qua bốn năm đào tạo được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Lộ trình thực hiện tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh và sự tự tin của SV ngành Giáo dục Tiểu học

Năm	Hoạt động và cách thức thực hiện
Năm thứ 1: Củng cố nền tảng và giảm tâm lý e ngại	- Luyện phát âm, từ vựng và các mẫu câu giao tiếp thông dụng thông qua nhiệm vụ ngắn hằng ngày. - Thực hành giới thiệu bản thân, mô tả tranh ảnh, hội thoại theo các chủ đề gần gũi. - Khai thác các kênh trực tuyến để hỗ trợ luyện tập.
Năm thứ 2: Cải thiện kỹ năng thông qua luyện tập có định hướng	- Xác định kỹ năng cần cải thiện và thực hiện các nhiệm vụ luyện tập theo tuần. - Sử dụng podcast, YouTube hoặc Daily Dictation để luyện nghe; SpeechAce, ELSA Speak để luyện phát âm; Grammarly để kiểm tra lỗi viết. - Tự đánh giá mức độ tiến bộ và điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp với khả năng.
Năm thứ 3: Vận dụng tiếng Anh trong các nhiệm vụ chuyên ngành	- Sử dụng công cụ số và AI để luyện hội thoại về các tình huống giáo dục tiểu học. - Thực hành giới thiệu trò chơi, mô tả học liệu, trình bày ý tưởng hoặc hoạt động dạy học bằng tiếng Anh ở mức độ phù hợp. - Khai thác video, bài đọc và tài liệu giáo dục bằng tiếng Anh để tóm tắt, trình bày và trao đổi.
Năm thứ 4: Ứng dụng tiếng Anh trong thực hành, thực tập sư phạm	- Khai thác truyện, bài hát, trò chơi, video và tài liệu giáo dục bằng tiếng Anh phù hợp với học sinh tiểu học. - Thiết kế sản phẩm học tập hoặc học liệu có sử dụng tiếng Anh. - Trao đổi với giáo viên hướng dẫn về khả năng lồng ghép tiếng Anh vào những hoạt động giáo dục phù hợp.

3.2.3 Xây dựng môi trường học tiếng Anh tích cực, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau

Mục tiêu của giải pháp là tạo thêm cơ hội thực hành tiếng Anh, giảm tâm lý lo âu, sợ mắc lỗi và tăng cường sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập. Để thực hiện, khoa cần khuyến khích sinh viên (SV) thành lập các nhóm học tiếng Anh nhỏ, tham gia câu lạc bộ tiếng Anh của khoa, nhà trường và khai thác các nền tảng số để duy trì tương tác, hợp tác học tập.

Lộ trình thực hiện được triển khai theo bốn năm đào tạo. Năm thứ nhất, SV được khuyến khích tham gia câu lạc bộ hoặc nhóm học tập nhỏ, thực hành giao tiếp thông qua trò chơi ngôn ngữ, hội thoại, giới thiệu bản thân và chia sẻ sở thích; đồng thời tạo cơ hội để SV có trình độ khác nhau hỗ trợ lẫn nhau. Năm thứ hai, duy trì các nhóm học tập theo kỹ năng hoặc mục tiêu chung, tổ chức sinh hoạt định kỳ với hoạt động luyện hội thoại, thuyết trình, giới thiệu sách và chia sẻ tài liệu; sử dụng Zoom, Zalo, Messenger hoặc các nền tảng trực tuyến để tăng cường tương tác. Năm thứ ba, mở rộng cộng đồng thực hành gắn với nghiệp vụ sư phạm thông qua các hoạt động giới thiệu trò chơi, kể chuyện, trình bày học liệu và hoạt động dạy học; khuyến khích SV chia sẻ, góp ý, hỗ trợ khóa dưới và tham gia giao lưu học thuật khi có điều kiện. Năm thứ tư, duy trì mạng lưới học tập và kết nối nghề nghiệp thông qua chia sẻ kinh nghiệm sử dụng tiếng Anh trong thực tập, hỗ trợ SV khóa dưới và kết nối với cựu SV, giáo viên hoặc chuyên gia.

Thông qua các hoạt động hợp tác và hỗ trợ đồng đẳng, SV có điều kiện phát triển cảm giác được gắn kết, tự tin sử dụng tiếng Anh và duy trì động lực học tập, phù hợp với nhu cầu gắn kết trong Thuyết Quyền tự quyết.

3.2.4 Tích hợp tiếng Anh vào các học phần chuyên ngành Giáo dục Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp

Mục tiêu của giải pháp là giúp SV nhận thức rõ giá trị của tiếng Anh đối với học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp giáo viên tiểu học, tạo sự gắn kết giữa việc học ngoại ngữ với nội dung đào tạo chuyên môn. Qua đó, tiếng Anh trở thành công cụ hỗ trợ tiếp cận tri thức, phát triển năng lực nghề nghiệp và học tập suốt đời, thay vì chỉ đáp ứng yêu cầu học phần hoặc chuẩn đầu ra.

Để thực hiện, khoa quản lý ngành cần phối hợp với các đơn vị đào tạo và giảng viên rà soát

chương trình, đề cương học phần để lựa chọn nội dung tích hợp phù hợp. Đối với học phần cơ sở, có thể sử dụng thuật ngữ thông dụng, tài liệu ngắn và học liệu trực quan bằng tiếng Anh. Ở các học phần chuyên ngành và phương pháp dạy học, cần tăng cường hoạt động tìm kiếm, đọc hiểu, tóm tắt tài liệu, giới thiệu mô hình giáo dục và thiết kế sản phẩm học tập có sử dụng tiếng Anh.

Bên cạnh đó, cần từng bước xây dựng nguồn học liệu chuyên ngành hỗ trợ tiếng Anh, gồm bảng thuật ngữ, bài đọc ngắn, video, tài liệu trực quan và sản phẩm học tập mẫu; phát triển tài liệu song ngữ ở những học phần có điều kiện phù hợp. Lộ trình tích hợp tiếng Anh theo từng năm đào tạo được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Lộ trình thực hiện tích hợp tiếng Anh vào chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

Năm học và học phần đề xuất	Hoạt động và cách thức thực hiện
Năm thứ 1: Tiếp cận tiếng Anh qua các học phần đại cương	- Giới thiệu thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về công nghệ, dữ liệu, AI. - Hướng dẫn SV tìm kiếm và khai thác tài liệu, video hoặc công cụ số có hướng dẫn bằng tiếng Anh. - Tổ chức một số nhiệm vụ giao tiếp, thuyết trình ngắn hoặc giới thiệu ý tưởng giáo dục có sử dụng thuật ngữ tiếng Anh.
Năm thứ 2: Mở rộng sử dụng tiếng Anh trong học phần cơ sở ngành	- Tích hợp thuật ngữ tiếng Anh về giáo dục, dạy học, môi trường, văn học thiếu nhi. - Hướng dẫn SV đọc tài liệu ngắn, xem video hoặc khai thác infographic bằng tiếng Anh. - Khuyến khích SV sử dụng thuật ngữ tiếng Anh trong bài thu hoạch, báo cáo hoặc slide thuyết trình.
Năm thứ 3: Tích hợp tiếng Anh vào các học phần phương pháp dạy học	- Hướng dẫn SV tìm hiểu thuật ngữ chuyên môn, câu lệnh lớp học và những hoạt động dạy học có thể vận dụng. - Giao nhiệm vụ thiết kế trò chơi, học liệu, slide hoặc kế hoạch bài dạy có sử dụng tiếng Anh.
Năm thứ 4: Ứng dụng tiếng Anh trong thực tập và nghiên cứu khoa học.	- Hướng dẫn SV đọc, tóm tắt tài liệu quốc tế về STEM/STEAM, phát triển tư duy và các mô hình giáo dục. - Khuyến khích khai thác, trích dẫn tài liệu nghiên cứu quốc tế khi thực hiện luận văn hoặc tiểu luận tốt nghiệp. - Vận dụng tiếng Anh trong tìm kiếm học liệu và chuẩn bị hoạt động thực tập phù hợp với điều kiện thực tế.

Bên cạnh những giải pháp trên, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoạt động ngoại khóa, thực tế ngoài trường học có thể yêu cầu SV trình bày bằng tiếng Anh ở một số nội dung phù hợp.

IV. KẾT LUẬN

Tăng cường động lực học tiếng Anh cho SV ngành Giáo dục Tiểu học không chỉ nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ mà còn góp phần hình thành ý thức tự học và phát triển nghề nghiệp của giáo viên tương lai. Dưới góc nhìn SDT, việc đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ trong chương trình đào tạo cần được chuyển hóa thành nhu cầu học tập tự nguyện, xuất phát từ nhận thức của SV về giá trị và ý nghĩa của tiếng Anh đối với nghề nghiệp.

Để thực hiện điều đó, cần tổ chức môi trường học tập đáp ứng nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết; tăng cường cơ hội thực hành, trải nghiệm và sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động chuyên ngành. Các giải pháp cần được triển khai linh hoạt theo từng năm đào tạo, có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo, giảng viên và SV. Hiệu quả của các giải pháp đề xuất cần tiếp tục được kiểm chứng trong thực tiễn để làm cơ sở điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động đào tạo giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dương, T. K. O. (2013). Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (48), 138–145. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.48.883(2013)

Lý, P. T. M., & Nga, Đ. T. N. (2016). Các nhân tố tác động đến động lực làm việc của giảng viên đại học tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kinh tế và Phát triển.

Nga, H. T. M., & Kiệt, N. T. (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, (46), 107–115. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.575

Noels, K. A., Pelletier, L. G., Clément, R., & Vallerand, R. J. (2000). Why are you learning a second language? Motivational orientations and self-determination theory. Language Learning, 50(1), 57–85. https://doi.org/10.1111/0023-8333.00111

Pintrich, P. R. (2003). A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts. Journal of Educational Psychology, 95(4), 667–686. https://doi.org/10.1037/0022-0663.95.4.667

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. American Psychologist, 55(1), 68–78. https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2002). Overview of self-determination theory: An organismic dialectical perspective. In E. L. Deci & R. M. Ryan (Eds.), Handbook of self-determination research (pp. 3–33). University of Rochester Press.

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2020). Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. Contemporary Educational Psychology, 61, Article 101860. https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860

Thủ tướng Chính phủ. (2025). Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045".